

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS - ST
Ngày: 16 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Thiện

Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST - DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc: “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST - DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST- DS ngày 18/5/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Viết L, sinh năm 1980. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn T; Sinh năm 1976. Có mặt

Chị Trần Thị T, sinh năm 1977. Có mặt

Đều trú tại: Thôn T xã X, huyện T, tỉnh T

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Đỗ Thị P, SN 1983. Có mặt

Địa chỉ: Số 72 Tân An, phường N, thành phố T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn là anh Lê Viết L trình bày:

Tôi và vợ chồng anh T, chị T1 có mối quan hệ là người cùng làng. Tôi có cho anh T và chị T1 vay tiền nhiều lần, cụ thể từng lần thì tôi không nhớ. Đến ngày 10/11/2019 hai bên đã chốt nợ với nhau là vợ chồng anh T và chị T1 còn nợ tôi số tiền gốc là 260.000.000đ và tiền lãi là 20.000.000đ. Tổng là 280.000.000đ. Khi chốt nợ hai bên có làm giấy và ký tên. Trong giấy ghi rõ đến ngày 20/01/2020 đương lịch vợ chồng anh T và chị T1 trả nợ cho tôi toàn bộ số

tiền trên. Ngoài ra vợ chồng anh T và chị T1 còn gửi lại cho tôi 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 567001 số vào sổ cấp GCN: CH: 06430, thửa đất số 662a, tờ bản đồ số 8, diện tích 407m², đất ở; Địa chỉ thửa đất: Thôn T Sơn, xã X, huyện T, tỉnh T. Cấp cho hộ ông Đặng Văn T sinh năm 1976 và bà Trần Thị T, sinh năm 1977 để làm tin khi vay tiền. Đến hạn trả nợ anh T chị T1 không trả nợ cho tôi, tôi đòi nhiều lần nhưng anh T chị T1 cứ khất lần không trả tiền cho tôi. Nay tôi yêu cầu anh T chị T1 phải trả cho tôi tổng số tiền nợ gốc và lãi cũ còn lại là 280.000.000đ, còn lại số tiền lãi tính từ ngày 10/11/2019 đến ngày xét xử trên nợ gốc 260.000.000đ thì tôi rút yêu cầu, không yêu cầu anh T và chị T1 phải trả cho tôi số tiền lãi này nữa.

Bị đơn là anh Đặng Văn T trình bày: Tôi công nhận tôi có vay tiền của anh L rất nhiều lần từ năm 2011 để đi đánh bạc. Số tiền vay tôi không nhớ rõ là bao nhiêu. Tổng tất cả lần vay là 300.000.000đ. Tôi có gửi cho anh L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 567001, số vào sổ cấp GCN: CH: 06430, thửa đất số 662a, tờ bản đồ số 8, diện tích 407m², đất ở; Địa chỉ thửa đất: Thôn T Sơn, xã X, huyện T, tỉnh T. Cấp cho hộ ông Đặng Văn T sinh năm 1976 và bà Trần Thị T, sinh năm 1977 để làm tin khi vay tiền. Quá trình trả nợ vào ngày 14/4/2012 tôi đã trả số tiền 100.000.000đ tiền gốc và 30.000.000đ tiền lãi. Ngoài ra vợ chồng tôi có gặt nợ thửa đất trị giá 200.000.000đ cho anh L vào thời gian nào tôi cũng không nhớ. Đến ngày 10/11/2019 vợ chồng tôi và anh L chốt nợ, tổng cả gốc và lãi là 280.000.000đ tôi cũng không nhớ rõ là gốc là bao nhiêu và lãi là bao nhiêu. Từ ngày 10/11/2019 đến nay vợ chồng tôi chưa trả nợ cho anh L. Nay anh L yêu cầu tôi trả nợ tổng số tiền cả gốc và lãi là 280.000.000đ thì tôi đồng ý trả cho anh L số tiền 200.000.000đ số còn lại tôi xin anh L cho tôi.

Bị đơn là chị Trần Thị T trình bày: Tháng 8/2011 anh T có báo với tôi là có vay anh L rất nhiều lần, tổng vay số tiền gốc là 180.000.000đ. Vợ chồng tôi đã gặp anh L để chốt nợ vào tháng 4/2012 (ngày tôi không nhớ) số tiền vay tổng cả gốc và lãi là 300.000.000đ, trong đó lãi suất với mức 5.000đ/ngày/triệu. Trong năm 2012 vợ chồng tôi đã trả nợ cho anh L số tiền 100.000.000đ tiền gốc và 30.000.000đ tiền lãi và 295m² đất ở trị giá 200.000.000đ. Tiếp đến ngày 10/11/2019 vợ chồng tôi chốt nợ với anh L số tiền 280.000.000đ gồm cả gốc và lãi. Tôi không nhớ rõ số tiền gốc là bao nhiêu, số tiền lãi là bao nhiêu. Khi chốt nợ vợ chồng có ký nhận trong Giấy tổng cộng số tiền vay nợ và thỏa thuận sau 02 tháng sẽ trả nợ. Từ ngày 10/11/2019 đến nay vợ chồng tôi chưa trả nợ cho anh L cả gốc và lãi. Anh T có thể chấp cho anh L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 567001, số vào sổ cấp GCN: CH: 06430, thửa đất số 662a, tờ bản đồ số 8, diện tích 407m², đất ở; Địa chỉ thửa đất: Thôn T Sơn, xã X, huyện

T, tỉnh T. Cấp cho hộ ông Đặng Văn T sinh năm 1976 và bà Trần Thị T, sinh năm 1977 để làm tin khi vay tiền. Nay anh L yêu cầu vợ chồng tôi trả nợ tổng số tiền cả gốc và lãi là 280.000.000đ thì tôi đồng ý trả nợ cho anh L số tiền 200.000.000đ số còn lại 80.000.000đ tôi xin anh L cho vợ chồng tôi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị P trình bày: Tôi là vợ của anh Lê Viết L. Vợ chồng tôi và vợ chồng anh T chị T có mối quan hệ là người cùng làng. Anh L chồng tôi có cho vợ chồng anh T, chị T vay tiền nhiều lần. Số tiền cụ thể từng lần vay và thời gian vay tôi không nhớ rõ. Đến ngày 10/11/2019 hai bên đã chốt nợ với nhau, số tiền gốc là 260.000.000đ và tiền lãi là 20.000.000đ, tổng cả gốc và lãi là 280.000.000đ. Giấy chốt nợ có đầy đủ chữ ký của các bên. Trong giấy tờ có ghi đến ngày 20/01/2020 vợ chồng anh T chị T sẽ trả nợ cho vợ chồng tôi số tiền trên. Vợ chồng anh T, chị T có gửi lại cho vợ chồng tôi 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 567001, số vào sổ cấp GCN: CH: 06430, thửa đất số 662a, tờ bản đồ số 8, diện tích 407m², đất ở; Địa chỉ thửa đất: Thôn T Sơn, xã X, huyện T, tỉnh T. Cấp cho hộ ông Đặng Văn T sinh năm 1976 và bà Trần Thị T, sinh năm 1977 để làm tin khi vay tiền. Đến ngày hẹn trả nợ trong giấy thì anh T chị T vẫn không trả nợ cho vợ chồng tôi. Chúng tôi đã đòi nợ anh T chị T nhiều lần từ năm 2020 cho đến nay nhưng vợ chồng anh T chị T cứ khất nợ hết lần này đến lần khác, hiện tại anh T chị T chưa trả nợ cho vợ chồng tôi đồng nào. Vì vậy tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chồng tôi, đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh T chị T phải trả nợ cho vợ chồng tôi số tiền gốc và lãi là 280.000.000đ, còn số tiền lãi tính từ ngày 10/11/2019 đến ngày xét xử thì vợ chồng tôi không yêu cầu anh T chị T phải trả số tiền này nữa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về Nội dung: Quan hệ tranh chấp giữa anh Lê Viết L và vợ chồng anh Đặng Văn T và chị Trần Thị T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng có thời hạn, có lãi suất theo quy định tại các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả nợ toàn bộ số tiền gốc và lãi suất thì HĐXX thấy rằng: Qua xem xét Giấy tổng cộng số tiền vay nợ ngày 10/11/2019 thì hình thức và nội dung trong giấy viết tay phù hợp

với quy định pháp luật. Nội dung Giấy tổng cộng số tiền vay nợ thể hiện: Ngày 10/11/2019 vợ chồng anh Đặng Văn T, chị Trần Thị T và vợ chồng anh Lê Viết L, chị Đỗ Thị P nhất trí tổng số tiền cả nợ lãi và tiền gốc là 280.000.000đ. Hai bên thống nhất đến ngày 20/01/2020 vợ chồng anh T chị T sẽ trả hết số tiền nợ trên cho vợ chồng anh L chị P.

Bị đơn là anh Đặng Văn T và chị Trần Thị T công nhận Giấy tổng cộng số tiền vay nợ với nội dung chốt toàn bộ số tiền vay nợ cả gốc và lãi là 280.000.000đ, thời hạn trả nợ là ngày 20/01/2020, cả anh T và chị T đều ký và ghi rõ họ và tên vào Giấy tổng cộng số tiền vay nợ. Do đó khẳng định vào ngày 10/11/2019 giữa vợ chồng anh T, chị T và vợ chồng anh L, chị P có việc chốt nợ tổng số tiền còn nợ cả gốc và lãi là 280.000.000đ.

Tại phiên tòa anh L xin rút một phần yêu cầu về số tiền lãi suất trên nợ gốc 260.000.000đ tính từ ngày 10/11/2019 đến ngày xét xử, không yêu cầu anh T chị T phải trả số tiền lãi trên.

Anh T có ý kiến trình bày: Anh T công nhận có vay tiền của anh L nhiều lần nhưng không nhớ rõ số tiền gốc là bao nhiêu. Nay anh T xin trả nợ cho anh L số tiền 200.000.000đ, số tiền còn lại 80.000.000đ anh T xin anh L miễn. Anh L không đồng ý với ý kiến của anh T.

Do đó HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Anh T và chị T còn nợ vợ chồng anh L số tiền gốc và lãi là 280.000.000đ; Vì vậy yêu cầu về việc trả nợ số tiền gốc và lãi của Nguyên đơn được HĐXX chấp nhận.

HĐXX căn cứ các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn là anh Đặng Văn T và chị Trần Thị T phải trả nợ cho anh Lê Viết L số tiền gốc và lãi là 280.000.000đ.

Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 567001, số vào sổ cấp GCN: CH: 06430, thửa đất 662a, tờ bản đồ số 8, diện tích 407m², đất ở; Địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh T. Cấp cho hộ ông Đặng Văn T sinh năm 1976 và bà Trần Thị T, sinh năm 1977 các bên đều công nhận: Anh Đặng Văn T giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Lê Viết L để làm tin khi vay tiền. Nay vợ chồng anh Đặng Văn T và chị Trần Thị T trả nợ cho anh L và anh L sẽ giao trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T và chị T là phù hợp.

Trong vụ án này chị T có trình bày về việc Anh T là chồng chị vay nợ của anh L số tiền vay tổng cả gốc và lãi là 300.000.000đ, trong đó lãi suất với mức 5.000đ/ngày/triệu nhưng chị T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về mức lãi suất 5.000đ/ngày/triệu nên HĐXX không có căn cứ để đề nghị Cơ quan điều tra xử lý về hành vi cho vay lãi nặng.

[3]. Về án phí: Anh Đặng Văn T và chị Trần Thị T phải chịu án phí đối với số tiền phải trả nợ theo quy định tại khoản 1 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều: 463; 466; 468; 470; 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Viết L đối với anh Đặng Văn T và chị Trần Thị T. Buộc anh Đặng Văn T và chị Trần Thị T phải trả nợ cho anh Lê Viết L số tiền gốc và lãi là 280.000.000đ.

Anh Lê Viết L trả lại cho anh Đặng Văn T và chị Trần Thị T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 567001, số vào sổ cấp GCN: CH: 06430, thửa đất 662a, tờ bản đồ số 8, diện tích 407m², đất ở; Địa chỉ thửa đất: Thôn T Sơn, xã X, huyện T, tỉnh T. Cấp cho hộ ông Đặng Văn T sinh năm 1976 và bà Trần Thị T, sinh năm 1977.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc anh Đặng Văn T và chị Trần Thị T chịu án phí DSST có giá ngạch là 14.000.000đ;

Trả lại cho anh Lê Viết L số tiền 8.430.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2021/0014053 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Về quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T
- VKSND tỉnh T
- Các DS
- Phòng GDKTNV
- Thi hành án DS huyện T
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng